

Đơn vị: VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG VĨNH HƯNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Chương: 830

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Hưng, ngày 09 tháng 4 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 13/QĐ- VP ngày 09/4/2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Vĩnh Hưng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Văn phòng HĐND và UBND phường Vĩnh Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2026 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước Thực hiện quý I	Ước Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước Thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
	Lệ phí...				
<b>2</b>	<b>Phí</b>				
	Phí ...				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>28,224</b>	<b>6,271</b>	<b>22</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ - N13				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ -N12				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>2,600</b>	<b>45</b>	<b>2</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	Nhiệm vụ KHCN, đổi mới sáng tạo cấp qua quỹ phát triển KHCN				
	Nhiệm vụ KHCN, đổi mới sáng tạo không cấp qua quỹ phát triển KHCN				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	<b>2,600</b>	<b>45</b>	<b>2</b>	
	Nhiệm vụ KHCN, đổi mới sáng tạo - 108	1,000	0	0	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước Thực hiện quý I	Ước Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước Thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	<i>Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo - 111</i>	1,000	0	0	
	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số - 121</i>	600	45	8	
<b>3</b>	<b>Chi hoạt động quân sự - 011</b>	<b>294</b>	<b>294</b>	<b>100</b>	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	25	25	100	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	269	269	100	
<b>4</b>	<b>Chi hoạt động công an - 041</b>	<b>7,342</b>	<b>1,951</b>	<b>27</b>	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7,342	1,951	27	
<b>5</b>	<b>Chi đảm bảo hưu xã - 374</b>	<b>307</b>	<b>82</b>	<b>27</b>	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	307	82	27	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp VH TT - 161</b>	<b>89</b>	<b>89</b>	<b>100</b>	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	89	89	100	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
<b>11</b>	<b>Chi QLNN - 341</b>	<b>17,592</b>	<b>3,810</b>	<b>22</b>	
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ - N13	4,962	1,007	20	
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ - N12	12,405	2,803	23	
11	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ - N18	225	0	0	
<b>12</b>	<b>Chi PL ưu đãi NCC với CM - 371</b>				
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước Thực hiện quý I	Ước Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước Thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin</b>				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước Thực hiện quý I	Ước Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước Thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				